**BỘ TƯ PHÁP**

**BẢN GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH**

**ĐỐI VỚI HỒ SƠ LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ DÂN SỰ[[1]](#footnote-1)**

*(Kèm theo Tờ trình số ……/TTr-BTP của Bộ Tư pháp ngày / /2020)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Đơn vị tham gia ý kiến** | **Nội dung tham gia** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| **I. Đối với Báo cáo Tổng kết**  |
| 1 | Bộ Nội Vụ (CV 5865/BNV-PC) | Khoản 1 Mục III dự thảo báo cáo tổng kết thi hành phần tương trợ tư pháp về dân sự đã xác định yêu cầu xây dựng luật mới cần đảm bảo khắc phục được các hạn chế, bất cập hiện nay (trong đó có nội dung việc bố trí cán bộ chưa tương xứng, đội ngũ cán bộ không được bổ sung trong khi hoạt động tương trợ tư pháp ngày càng phức tạp – điểm 3.2 khoản 3 Mục II dự thảo báo cáo tổng kết); mặt khác, cần cắt giảm quy trình tiếp nhận và xử lý yêu cầu tương trợ tư pháp hiện nay đảm bảo đổi mới bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu quả phù hợp với định hướng của Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành trung ương khóa XII – Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.Trong khi đó, tại Báo cáo đánh giá tác động, giải pháp 2 của chính sách 1 được cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất lựa chọn mới đề xuất chỉ đề cập đến việc “không làm phát sinh thêm cơ quan, đơn vị mới”; giải pháp 2 của Chính sách 3 được cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất lựa chọn xác định do không có sự thay đổi về quy trình thực hiện mà chỉ đưa ra các quy định đã được đưa vào văn bản dưới luật lên thành các quy định của luật nên không ảnh hưởng đến các điều kiện bảo đảm.Như vậy, giữa báo cáo tổng kết và báo cáo đánh giá tác động chưa có sự thống nhất về nội dung liên quan đến khó khăn, vướng mắc và các giải pháp giải quyết khó khăn, vướng mắc về nguồn nhân lực. Báo cáo đánh giá tác động chưa xác định được việc xây dựng Luật TTTP về dân sự có làm phát sinh thêm biên chế hay không, có phù hợp với chủ trương tinh giản tổ chức, bộ máy, biên chế hay không? | Đã tiếp thu, chỉnh lý dự thảo tại giải pháp 2 của chính sách 1 và chính sách 3 đoạn viết về tác động đến bộ máy nhà nước: *giúp khắc phục các bất cập hạn chế hiện nay về nguồn nhân lực không được bổ sung thêm đồng thời hiện thực hóa chủ trương đảm bảo đổi mới bộ máy nhà nước tinh gọn hiệu quả phù hợp với định hướng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII – Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.* |
| 2 | Bộ Tài chính(CV 14931/BTC-PC ngày 9/12/2019) | Tại Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành có nêu nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế là việc bố trí kinh phí còn chưa tương xứng, cơ sở vật chất kỹ thuật bố trí cho công tác tương trợ tư pháp vẫn chưa có sự phát triển theo kịp với yêu cầu phát triển của hoạt động này, tuy nhiên, trong dự thảo Báo cáo không có đánh giá cụ thể nào về vấn đề này. Đồng thời, tại mục IV.3 dự thảo Tờ trình về chính sách 3 có nêu nội dung của chính sách quy định rõ hơn phương thức thu nộp chi phí ra nước ngoài đối với mỗi phạm vi tương trợ. Theo đó để có đánh giá khách quan về vấn đề này, **đề nghị Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan có đánh giá cụ thể về vấn đề chi phí, kinh phí phục vụ hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự.** | Đã tiếp thu theo hướng viết rõ hơn về những tồn tại hạn chế trong việc sắp xếp bố trí kinh phí tại Bộ Tư pháp và hệ thống tòa án nhân dân |
| Ngoài ra, trong thời gian qua, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước luôn ưu tiên khối các cơ quan tư pháp ở mức cao nhất; cụ thể tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2017 đã quy định mức định mức 55 triệu đồng/biên chế đối với khối các cơ quan tư pháp, bao gồm: hệ thống Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và cơ quan thi hành án dân sự. Đồng thời, ngoài kinh phí theo định mức biên chế; để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặc thù trong ngành Tòa án, Kiểm sát và cơ quan thi hành án dân sự, trong dự toán chi hành chính các năm đã bố trí khoản chi ngoài định mức để tập trung giải quyết những yêu cầu đặc thù của ngành và kinh phí tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc theo các Đề án trang thiết bị của các cơ quan tư pháp: Kinh phí Đề án trang thiết bị phương tiện làm việc của ngành Tòa án nhân dân giai đoạn III (2014-2018) theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 10/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án “Đầu tư trang thiết bị phương tiện làm việc cho ngành Kiểm sát nhân dân giai đoạn 2016-2020” theo Quyết định số 683/QĐ-TTg ngày 19/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án “Đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các cơ quan thi hành án dân sư giai đoạn 2016-2020” theo Quyết định số 77/QĐ-TTg ngày 11/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ; bố trí thêm ngoài định mức theo Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 11/01/2016 để thực hiện tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin của ngành; kinh phí đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Do đó, đề nghị **bỏ nội dung đánh giá tại mục II.3.2, trang 11 dự thảo Báo cáo cáo tổng kết thi hành phần tương trợ tư pháp về dân sự của Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 về bố trí kinh phí và các điều kiện cần thiết cho hoạt động tương trợ tư pháp.** | Không tiếp thu nhưng làm rõ hơn theo hướng “**Việc bố trí cán bộ, kinh phí và các điều kiện cần thiết cho hoạt động TTTP trong thời gian qua đã được bố trí nhưng cần tiếp tục được quan tâm”,** đồng thời chỉ rõ hơn các khó khăn về kinh phí trong thời gian qua. |
|  | Bộ Ngoại giao(CV 4969/BNG-LS ngày 25/12/2019) | Báo cáo vẫn còn thiếu các lập luận về thực tiễn khó khăn, vướng mắc khi áp dụng nguyên tắc có đi có lại và các số liệu minh họa cụ thể | Báo cáo đã làm rõ các khó khăn vướng mắc trong việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại từ quy định của pháp luật  |
| 3 | Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (CV 56/VKSTC-V14 ngày 6/1/2020) | Bổ sung các nọi dung tổng kết về công tác triển khai thi hành luật, công tác phối hợp trong hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự để đảm bảo tính toàn diện; | Bộ Tư pháp đã tiếp thu, bổ sung |
| Đề nghị phân tích sâu sắc về kết quả, ý nghĩa của việc ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế, hiệp định song phương về tương trợ tư pháp về dân sự mà Việt Nam là thành viên | Bộ Tư pháp đã tiếp thu, bổ sung |
| Dự thảo báo cáo nêu: “Như vậy, trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về dân sự, công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế pháp luật bao gồm cả văn bản pháp luật trong nước,…tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự” (trang 3). VKSNDTC nhận thấy nội dung về hoàn thiện pháp luật không thuộc nội dung của tiểu mục này, đề nghị cân nhắc, chỉnh sửa; | Bộ Tư pháp đã tiếp thu, bổ sung |
| VKSNDTC nhận thấy, dự thảo báo cáo nêu kết quả về số lượng các Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự mà Việt Nam đã ký kết còn chưa thống nhất, theo đó mục 5 báo cáo nêu số lượng là 5 Hiệp định song phương và 01 điều ước quốc tế, nhưng tại các trang 7,9,12 của dự thảo Báo cáo lại nêu 17 Hiệp định song phương và 01 đa phương. Do đó, đề nghị chỉnh sửa lại để đảm bảo thống nhất. | Mục 5 nêu 05 hiệp định song phương và 01 điều ước đa phương là tính từ thời điểm Luật TTTP có hiệu lực; các trang 7,9,12 nêu 17 hiệp định và 01 công ước đa phương là tính tổng số các điều ước đang có hiệu lực trong lĩnh vực này.  |
| Dự thảo báo cáo nêu: “Thông tư liên tịch số 12/2016 chưa có quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cũng như chi phí cho việ thực hiện tống đạt giấy tờ qua thừa phát lại”. VKSNDTC đề nghị cân nhắc nộidung nhận định trên vì trình tự, thủ tục cũng như chi phí cho việ thực hiện tống đạt giấy tờ qua Thừa phát lại đã được quy định cụ thể tại Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 28/02/2014 về hướng dẫn thực hiện thí điểm chế định thừa phát lại theo Nghị quyết số 36/2012. | Bộ Tư pháp đã bỏ nhận định này |
| 5 | Bộ Công an (CV 103/BCA-V03 ngày 13/01/2020) | Đề nghị bổ sung vào mục 2 phần II: nội dung cụ thể hơn về những hạn chế của phần tương trợ tư pháp về dân sự trong Luật TTTP năm 2007 so với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã, sẽ tham gia, những thông lệ quốc tế có liên quan hiện nay, tham khảo pháp luật của một số nước phát triển trong thực hiện nội dung TTTP về dân sự | Bộ Tư pháp đã tiếp thu, bổ sung, về kinh nghiệm quốc tế Bộ Tư pháp đang nghiên cứu  |
| **II. Đối với dự thảo Tờ trình** |
| 1 | Bộ Tài chính | Tại mục V dự thảo Tờ trình Chính phủ về dự kiến nguồn lực, kinh phí đảm bảo thi hành Luật có nêu về việc Nhà nước cần đầu tư một khoản kinh phí cho việc bố trí cơ sở vật chất ở các cơ quan có thẩm quyền lập yêu cầu tương trợ ra nước ngoài (tòa án và cơ quan thi hành án dân sự), tuy nhiên, nội dung này không gắn liền với 05 giải pháp nêu tại dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Luật, dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách xây dựng Luật. | Đề xuất này liên quan đến Chính sách 5 về cải tiến quy trình thực hiện và lưu trữ hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự (sau khi chỉnh sửa dự thảo Tờ trình là Chính sách 3) |
| 2 | VKSNDTC | Đề nghị chỉnh sửa dự thảo Tờ trình bao gồm cả hành chính cho phù hợp | Bộ Tư pháp đã tiếp thu, bổ sung |
| 3 | Bộ Ngoại giao | **Tại mục 2.2 về nội dung chính sách**, đề nghị dự thảo theo hướng: giữ nguyên các quy định tại Luật TTTP năm 2007 về áp dụng nguyên tắc “có đi có lại”; đồng thời bổ sung một trong 2 phương án:* PA1: Quy định rõ trình tự, thủ tục tiến hành và thẩm quyền của các cơ quan chức năng liên quan trong việc áp dụng nguyên tắc “có đi có lại”;
* PA2: Các cơ quan chức năng liên quan sẽ trao đổi thống nhất trình tự, thủ tục, thẩm quyền áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong quá trình xây dựng;

**Tại mục 2.3 Giải pháp lựa chọn**Đề nghị dự thảo theo hướng một trong 02 phương án sau:* PA1. Bộ Ngoại giao sẽ phối hợp với các Bộ, ngành xem xét, quyết định áp dụng/không áp dụng nguyên tắc “có đi có lại” trong lĩnh vực TTTP về dân sự;
* PA2. Bộ Ngoại giao chủ trì trao đổi thống nhất cụ thể về trình tự, thủ tục, thẩm quyền áp dụng nguyên tắc “có đi có lại” trong quá trình xây dựng luật
 | Thứ nhất, tương tự như các lĩnh vực khác việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong tương trợ tư pháp dân sự được thực hiện trong trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế trong lĩnh vực này và trong trường hợp này tất cả các yêu cầu đều được chuyển theo kênh ngoại giao qua đầu mối là Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự). Bên cạnh đó, hiện nay số yêu cầu được gửi đi và nhận từ các nước không có ĐƯQT không nhiều chỉ (10,4% gửi đi và 4% nhận được – Báo cáo công tác tương trợ tư pháp năm 2019 của Chính phủ). Do vậy, việc tự động áp dụng nguyên tắc có đi có lại không khó khăn do việc thực hiện tương trợ tư pháp qua nhiều kênh khác nhau như ý kiến của Bộ Ngoại giao.*Thứ hai*, cần thừa nhận rằng, tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các cơ quan có thẩm quyền trong nước và cơ quan có thẩm quyền nước ngoài giải quyết các vụ việc có yếu tố nước ngoài qua đó giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, trường hợp Việt Nam chú trọng xem xét việc nước ngoài đã từng thực hiện yêu cầu TTTP cho Việt Nam hay chưa hoặc sau này có thực hiện tương trợ tư pháp cho Việt Nam hay không sẽ làm chậm quá trình giải quyết vụ việc; trường hợp từ chối yêu cầu sẽ làm mất quyền lợi của cá nhân/doanh nghiệp có liên quan được ủy thác biết về vụ việc và cơ hội tham gia tố tụng.*Thứ ba*, để hướng dẫn quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật tương trợ tư pháp, Thông tư liên tịch số 15/2011/BTP-BNG-TANDTC ngày 15/9/2011 hướng dẫn một số quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự (Thông tư này đã được thay thế bằng Thông tư liên tịch số 12/2016) đã quy định cụ thể trình tự, thủ tục áp dụng nguyên tắc có đi có lại đối với cả yêu cầu tương trợ tư pháp gửi và nhận, như Phương án 1 Bộ Ngoại giao đề xuất. Tuy nhiên, khi thực tế thực hiện thì Bộ Ngoại giao không áp dụng và các cơ quan đầu mối là Bộ Tư pháp, cơ quan trực tiếp thực hiện là các tòa án nhân dân cấp tỉnh cũng tự động thực hiện mà không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền nước ngoài phải có cam kết áp dụng có đi có lại. Chính vì vậy, Thông tư liên tịch số 12/2016 đã hướng dẫn khoản 2 điều 4 theo đó Việt Nam chỉ từ chối thực hiện tương trợ tư pháp khi (i) có căn cứ nước ngoài không thực hiện tương trợ tư pháp của Việt Nam và (ii) việc thực hiện tương trợ tư pháp trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.*Thứ tư*, thực tế, theo yêu cầu của một số nước như Thái Lan, Nê-pan, các yêu cầu tương trợ tư pháp của Việt Nam phải có cam kết áp dụng nguyên tắc có đi có lại thông thường là văn bản trong đó cam kết Việt Nam sẽ thực hiện yêu cầu của các nước này trong những vụ việc tương tự.  *Thứ năm*, tương trợ tư pháp về dân sự mang các đặc thù riêng so với tương trợ tư pháp về hình sự hay dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự chủ yếu hỗ trợ giải quyết việc của dân hơn là mang tính chất chủ quyền quốc gia như ba hoạt động còn lại;Tham khảo dự thảo các Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về công nhận và cho thi hành bản án của tòa án nước ngoài và phán quyết của trọng tài nước ngoài, nguyên tắc có đi có lại không còn là nguyên tắc tòa án cần xem xét trong trường hợp không có điều ước quốc tế với Việt Nam. Từ các căn cứ nêu trên, Bộ Tư pháp cho rằng quy định về áp dụng nguyên tắc có đi có lại cần khả thi, không mang tính hình thức, không mất thời gian phối hợp của các bộ, ngành; đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ việc dân sự nhưng vẫn đảm bảo phù hợp pháp luật trong nước và thông lệ quốc tế. Do vậy, Bộ Tư pháp tiếp thu một phần ý kiến của Bộ Ngoại giao và đề xuất chỉnh sửa giải pháp 2 tại mục 2.3.2 thành:*Sửa đổi quy định hiện nay theo hướng xác định nguyên tắc đương nhiên áp dụng có đi có lại trong thực hiện TTTP trừ một số trường hợp ngoại lệ cụ thể, đặc biệt. Quy định rõ trình tự, thủ tục xem xét quyết định các trường hợp ngoại lệ ~~(Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các Bộ ngành quyết định việc không áp dụng có đi có lại~~); quy định rõ nguyên tắc áp dụng pháp luật nước ngoài trong thực hiện TTTP trong lĩnh vực dân sự trong trường hợp không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam và khả thi.* |
| 4 | Bộ Công an | Đề nghị nghiên cứu bổ sung chính sách: “cải cách trình tự, thủ tục nhận và gửi hồ sơ ủy thác tư pháp”. Trên thực tế, quy trình ủy thác tư pháp hiện hành còn nhiều khâu, qua nhiều cơ quan. Do vậy, cần nghiên cứu để rút ngắn quy trình, thủ tục thực hiện ủy thác tư pháp.  | Không tiếp thu, nội dung này đã được nêu ra tại chính sách 5 với các cải tiến đáng kể về quy trình, thủ tục và chính sách 4 về xã hội hóa hoạt động tống đạt giấy tờ. |
| **III. Đối với Báo cáo đánh giá tác động chính sách** |
| 1 | Bộ Ngoại giao | Tại điểm 2.1 (trang 9 Báo cáo đánh giá tác động), bất cập Quý Bộ nêu ra mâu thuẫn với luận cứ minh họa cho sự cần thiết áp dụng đề xuất định hướng tự động áp dụng nguyên tắc có đi có lại trừ một số ngoại lệ từ chối áp dụng | Bộ Tư pháp giải trình như sau:Các bất cập nêu ra để làm rõ cho đề xuất của Bộ Tư pháp là đương nhiên áp dụng nguyên tắc có đi có lại nhằm tạo thuận lợi cho việc giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài.  |
| Tại điểm 2.3.2.a (trang 11 Báo cáo đánh giá tác động), phần đánh giá tác động về kinh tế đối với Nhà nước và người dân chưa thuyết phục vì cơ chế tự động áp dụng có ngoại lệ vẫn bao gồm quy trình, thủ tục cơ quan chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét, quyết định việc không áp dụng nguyên tắc có đi có lại.  | Bộ Tư pháp đã tiếp thu, bổ sung ý “chỉ tốn thêm chi phí trong quá trình xem xét quyết định các ngoại lệ” |
| 2 | VKSNDTC | Về chính sách 2: nguyên tắc có đi có lại, dự thảo báo cáo cho rằng hiện nay chưa có quy định rõ về nguyên tắc có đi có lại dẫn đến tiến độ giải quyết vụ việc không bảo đảm, tác động tiêu cực đến quyền lợi các bên liên quan, ảnh hưởng đến các quan hệ dân sự, niềm tin của người dân và xã hội với hệ thống pháp luật bị giảm sút (trang 11). VKSNDTC nhận thấy, hiện nay, việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong tương trợ tư pháp về dân sự đã được quy địnhtại khoản 2 Điều 4 Luật Tương trợ tư pháp và Điều 5 Thông tư liên tịch số 12/2016 . Theo dự thảo báo cáo thì nội dung Điều 5 Thông tư liên tịch số 02/2016 cần được luật hóa chứ không cần quy định rõ hơn như thế nào. Vì vậy, Cơ quan soạn thảo cần cân nhắc để đảm bảo nội dung đề xuất thống nhất với hạn chế, tồn tại đã nêu.  | Tiếp thu, đã chỉnh sửa theo hướng tác động của việc chưa được luật hóa trong luật. |
| VKSNDTC đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung vào dự thảo Báo cáo nội dung đánh giá tác động tiêu cực trong trường hợp phần mềm quản lý hồ sơ ủy thác tư pháp bị xâm phạm dẫn đến lộ lọt thông tin vụ việc, thông tin cá nhân cũng như giải pháp bảo mật thông tin khi thực hiện việc tin học hóa các hồ sơ gửi đến Bộ Tư pháp thông qua việc scan các hồ sơ và lưu bản điện tử; phân quyền khai thác cơ sở dữ liệu.  | Bộ Tư pháp đã tiếp thu, bổ sung. |
| **IV. Đối với dự thảo đề cương Luật** |
|  | Bộ Ngoại giao | Tại Chương III, Điều về hồ sơ UTTP của Việt Nam: đề nghị giữ nguyên tên thành phần hồ sơ theo kênh ngoại giao (mà không dùng tên hồ sơ theo kênh không theo điều ước quốc tế) để phù hợp với các văn bản pháp luật về tương trợ tư pháp và điều ước quốc tế Mặt khác liên quan đến tên gọi các cách thức thực hiện TTTP về phía Việt Nam: việc thực hiện thông qua kênh ngoại giao vẫn là kênh phổ biến theo thông lệ quốc tế, quy định pháp luật hiện hành về tương trợ tư pháp cũng như thực tiễn của Việt Nam. Do vậy, đề nghị giữ nguyên nội dung thực hiện UTTP qua kênh ngoại giao trong quá trình xây dựng dự thảo Luật sắp tới | Bộ Tư pháp giải trình như sau:Theo quy định của Công ước tống đạt, việc thực hiện tương trợ tư pháp có thể được thực hiện theo kênh chính và các kênh thay thế. Các kênh thay thế bao gồm cả kênh ngoại giao. Do vậy, đề cương dự thảo Luật hiện nay tạm sử dụng kênh không theo điều ước quốc tế để làm rõ việc luật sẽ điều chỉnh cụ thể từng kênh. |
|  | Đề nghị cân nhắc tách các khoản tại Điều về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam thành các Điều riêng biệt, trong đó có quy định trách nhiệm của cả Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoại tương tự như Chương VI Luật Tương trợ tư pháp năm 2007. | Bộ Tư pháp đã tiếp thu, bổ sung |

1. Dự thảo được gửi lấy ý kiến 05 bộ, ngành có liên quan: Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, TAND tối cao, VKSND tối cao, trong đó TAND tối cao nhất trí hoàn toàn với hồ sơ lập đề nghị (Công văn số 304/TANDTC-HTQT ngày 3/12/2019). [↑](#footnote-ref-1)